

Bản án số: 68/2024/HS-ST

Ngày: 07/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thiên Hùng và Ông Đặng Ngọc Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 03/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST- HS ngày 24/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Quang H**, sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: **thôn P, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang;**

- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Văn hoá: 12/12;

- Đảng viên (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo QĐ số 42/ QĐ/UBKTTHU ngày 25/7/2024)

- Bố: **Đỗ Hải H1** (đã chết); Mẹ: **Phạm Thị V**, sinh năm 1957;

- Vợ: **Nguyễn Thị Kiều A**, sinh năm 1993;

- Con: Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2;

- Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: **thôn A, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang;**

- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 12/12;

- Bố: **Nguyễn Duy Đ**, sinh năm 1960; Mẹ: **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1962;

Vợ: **Bé Thị T2**, sinh năm 1988; Con: Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 2;

- Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2023 đến ngày 26/01/2024, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên: **Khúc Trường G**, sinh năm 1974; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: **thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang**;

- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Tày, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bác sĩ; Văn hoá: 12/12;

- Đảng viên (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo QĐ số 08/ QĐ/UBKTTHU ngày 31/01/2024)

- Bố: **Khúc T9**, sinh năm 1950; Mẹ: **Giáp Thị H2**, sinh năm 1951; Vợ: **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1979; Con: Bị cáo có 3 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2016; Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ 2;

- Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2023 đến ngày 26/01/2024, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên: **Đặng Văn Đ1**, sinh năm 1965; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: **thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang**;

- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Dao, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 5/10;

- Bố: **Đặng Văn M** (đã chết); Mẹ: **Nguyễn Thị T4** (đã chết); Vợ: **Hoàng Thị N**, sinh năm 1963; Con: Bị cáo có 1 con sinh năm 1984; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

- Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2023 đến ngày 26/01/2024, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Họ và tên: **Chu Văn V1**, sinh năm 1976; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: **thôn K, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang**

- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Tày, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 3/12;

- Bố: **Chu Xuân K** (đã chết); Mẹ: **Bùi Thị H3**, sinh năm 1955; Vợ: **Hà Thị T5**, sinh năm 1977; Con: Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ 2;

- Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2023 đến ngày 26/01/2024, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Khúc Trường G:** Bà **Giáp Thị H4** - Trợ giúp viên **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B** (Có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn V1:** Ông **Hoàng Trọng N1** - Trợ giúp viên **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B** (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Đ1:** Ông **Nguyễn Văn P** - Trợ giúp viên **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1979
Địa chỉ: **thôn Đ, xã Y, S, Bắc Giang** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 55 phút ngày 17/11/2023, tại đoạn **đường Q thuộc Tổ dân phố số D, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang**, tổ công tác của **Công an huyện S** phối hợp với Phòng An ninh kinh tế **Công an tỉnh B** tiến hành tuần tra, kiểm soát đã phát hiện, bắt quả tang **Khúc Trường G**, sinh năm 1974, trú tại **thôn Đ, xã Y, huyện S** đang bán trái phép thuốc súng cho **Chu Văn V1**, sinh năm 1976, trú tại **thôn K, xã A, huyện S**. Vật chứng thu giữ gồm: Thu tại xe ô tô biển kiểm soát 98A-462.16: 01 túi ni lông bên trong đựng 500 gam chất bột màu nâu đen; 01 túi vải màu xanh, bên trong có 03 túi ni lông màu vàng, mỗi túi nặng 100 gam, bên trong đều chứa chất bột màu nâu đen; 60 vỏ kim loại hình trụ màu vàng và một số đồ vật khác. Thu trên người **V1** 6.937.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo. Thu trên người **G** 1.370.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung. **G** khai mua thuốc súng của **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989, trú tại **thôn A, xã A, huyện S**. (bút lục 18-19)

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của **Khúc Trường G**, kết quả thu giữ: Thu tại nhà kho phía sau nhà **G** 30 viên đạn, 1,6kg vỏ đạn, 1,8kg hạt chì. Thu tại tủ gỗ bên trái từ cửa vào: 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa 90 gam chất bột màu nâu, 10,2kg hạt chì, 1,17kg vỏ đạn, 03 khẩu súng tự chế, 02 băng súng bằng gỗ, 04 nòng súng bằng kim loại và một số đồ vật khác. (bút lục 23-25)

Khám xét nơi ở của **Nguyễn Văn T** thu giữ: 02 túi ni lông bên trong đều đựng chất bột màu đen, 01 hộp hình trụ màu nâu bên trong đựng chất bột màu vàng, 01 hộp hình trụ màu xanh bên trong đựng chất bột màu nâu đen, 01 túi ni lông bên trong đựng cục màu đen dạng hình trụ, 298 viên hình trụ màu vàng, 03 viên đạn, 01 khẩu súng tự chế và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo. (bút lục 31-32)

Khám xét nơi ở của **Chu Văn V1** không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Sau khi khám xét, **Nguyễn Văn T** đã đến **Công an huyện S** xin đầu thú và khai nhận hành vi tàng trữ, mua bán thuốc súng của bản thân.

Tại Kết luận giám định số 8493 ngày 20/11/2023 của **V2 Bộ C** kết luận:

* Đối với các mẫu vật thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang:

- Chất bột màu nâu đen đựng trong 01 túi ni lông màu trắng là thuốc phóng NC (Nitroxenlulo), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 500 gam.

- Chất bột màu nâu đen đựng trong 03 túi ni lông màu vàng là thuốc phóng NC (Nitroxenlulo), thuộc nhóm vật liệu nổ, tổng khối lượng 300 gam.

* Đối với các mẫu vật thu giữ khi khám xét nhà **Nguyễn Văn T**:

- Chất bột màu nâu đen đựng trong 01 túi ni lông là thuốc phóng NC (Nitroxenlulo), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 104 gam.
- Chất bột màu đen đựng trong 01 túi ni lông là thuốc pháo nổ, không thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 71 gam.
- Chất bột màu vàng nâu đựng trong 01 hộp hình trụ màu nâu là thuốc phóng NC (Nitroxenlulo), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 17,9 gam.
- Chất bột màu nâu đen đựng trong 01 hộp hình trụ màu xanh là thuốc phóng NC (**N**), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 16 gam.
- Chất dạng hạt hình trụ màu đen đựng trong 01 túi ni lông là thuốc phóng NC (Nitroxenlulo), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 3,5 gam.
- 298 vật hình trụ màu vàng, bên trong chứa chất bột màu nâu đỏ đều là hạt nổ, thuộc nhóm vật liệu nổ.
- Các hạt màu đen bên trong 03 vật dạng hình vỏ đạn đều là các hạt chì. (*bút lục 253-254*)

Ngày 21/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** đã chuyển vụ việc nêu trên đến Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh B** để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, **G** còn khai nhận mua kíp nổ của **Đặng Văn Đ1**, sinh năm 1965, trú tại **thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Tuy khai mua thuốc nổ của **Đỗ Quang H**, sinh năm 1989, trú tại **thôn P, xã V, huyện S**.

Ngày 29/11/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của **Đặng Văn Đ1**, kết quả thu giữ: 200 gam chất bột màu đen, 08 gam hạt màu đen, 02 kg hạt chì màu đen, 43 vỏ kíp đã qua sử dụng, 09 viên đạn tự chế. Sau khi Cơ quan điều tra khám xét, **Đặng Văn Đ1** đã đến Cơ quan điều tra xin đầu thú và khai nhận hành vi tàng trữ, mua bán thuốc súng của mình và giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo, 01 khẩu súng săn. (*bút lục 39-40, 710*)

Ngày 12/12/2023, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của **Đỗ Quang H**, kết quả không thu giữ đồ vật gì. Ngày 22/01/2024, **H** đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi bán vật liệu nổ cho **T**.

Tại Kết luận giám định số 8826 ngày 30/11/2023 của **V2 Bộ C** kết luận:

- Chất bột màu nâu sẫm đựng trong 01 túi ni lông (thu giữ ở nhà **G**) là thuốc phóng NC (**N**), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 90 gam.
- Đối với số vật chứng thu giữ ở nhà **Đ1**:

+ Chất bột màu đen đựng trong 01 túi ni lông là thuốc nổ đen, thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 200 gam.

+ Chất dạng hạt màu đen là thuốc phóng NC (Nitroxenlulo), thuộc nhóm vật liệu nổ, khối lượng 06 gam.

+ Các hạt kim loại hình cầu màu xám đều là các hạt kim loại bằng chì, khối lượng 02 gam, không phải vật liệu nổ. (bút lục 270)

Tại Kết luận giám định 2404 ngày 08/12/23 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Vật chứng thu giữ của Tuy: 01 khẩu súng là súng dài tự chế, không thuộc vũ khí quân dụng. Vật chứng thu giữ của G: 03 khẩu súng là súng dài tự chế, 04 vật dạng nòng súng và 02 báng súng lắp được thành một khẩu súng, 30 viên đạn là đạn ghém, không thuộc vũ khí quân dụng. (bút lục 262)

Tại Kết luận giám định số 380 ngày 20/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: 02 khẩu súng thu giữ của Đ1 và V1 là súng dài tự chế, 09 viên đạn thu giữ của Đ1 là đạn ghém tự chế, không thuộc vũ khí quân dụng. (bút lục 277)

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2023, T nhờ H tìm mua hộ một ít kíp nổ và thuốc nổ mục đích sử dụng đi săn bắn, H đồng ý. Thông qua mạng xã hội zalo, facebook, H quen biết Vũ Đức T7, sinh năm 1996, trú tại phường Y, quận C, thành phố Hà Nội và Trần Đức M1, sinh năm 1983, trú tại Phường M, quận N, thành phố Hà Nội bán thuốc nổ, kíp nổ. H đặt mua của T7 950 gam thuốc nổ với giá 2.800.000 đồng và đặt mua của M1 03 gói kíp nổ với giá 660.000 đồng. T7 và M1 gửi thuốc nổ, kíp nổ qua xe khách về cho H. Sau khi nhận thuốc nổ, kíp nổ, H chuyển khoản trả tiền cho T7 và M1 rồi mang thuốc nổ, kíp nổ đến đưa cho T, Tuy trả tiền mặt cho H bằng với số tiền H mua. Sau đó, G hỏi mua 800 gam thuốc nổ của T, T đồng ý bán với giá 250.000 đồng/ lạng và hẹn gặp G ở cầu A, thị trấn A, huyện S để giao dịch mua bán. Buổi tối cùng ngày, T cho 800 gam thuốc nổ vào trong túi ni lông rồi mang đến điểm hẹn bán cho G. G trả Tuy 1.500.000 đồng và 02 gói đạn chì. Số thuốc nổ và kíp nổ còn lại, T đã nhồi vào trong các viên đạn sử dụng để đi săn bắn và đã bị Công an thu giữ khi khám xét.

Số thuốc nổ mua được của T, G mang về nhà cất giấu để khi nào đi săn bắn thì dùng. Khoảng tháng 10/2023, G mua 10 gói kíp nổ của Đ1 và mua 02kg thuốc nổ, 15 gói kíp nổ của Đỗ Quang L, sinh năm 1983, trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, G đã bán thuốc nổ cho nhiều người. Số thuốc nổ còn lại G đã sử dụng đi săn bắn một phần, còn lại 90 gam đã bị Công an thu giữ khi khám xét. Số kíp nổ mua của Đ1 và L, G đã dùng đi săn bắn hết.

Chiều ngày 17/11/2023, V1 gọi điện cho G hỏi mua 200 gam thuốc nổ. Do số thuốc nổ mua của T chưa sử dụng đến nên G đồng ý bán với giá 450.000 đồng/lạng và hẹn gặp V1 ở khu vực cây xăng thuộc Tổ dân phố số D, thị trấn A, huyện S để giao dịch mua bán. Sau đó, G chia số thuốc nổ mua được của Tuy ra 04 túi ni lông (01 túi 500 gam và 03 túi mỗi túi 100 gam) rồi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-462.16 đến điểm hẹn gặp V1. Khi gặp V1, G cầm túi ni lông đựng 500 gam thuốc nổ đưa cho V1 kiểm tra thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. (bút lục 18-19, 632-639, 734-736)

Đặng Văn Đ1 khai: Đ1 đã nhiều lần bán kíp nổ cho G. Lần gần nhất là đầu tháng 11/2023, Đ1 đến Chợ G ở phường P, quận H, thành phố Hà Nội mua của một người không quen biết được 10 gói kíp nổ với giá 2 triệu đồng và 02 lạng thuốc súng với giá 300.000 đồng. Đ1 mang 10 gói kíp nổ về bán cho G với giá 2.500.000 đồng, còn số thuốc nổ Đ1 cất giấu tại nhà để sử dụng đi săn bắn và đã bị Công an thu giữ khi khám xét.

Ngoài các lần mua bán vật liệu nổ nêu trên, các bị cáo còn khai nhận:

- H khai còn 02 lần khác mua kíp nổ và thuốc nổ hộ Tuy, một lần mua của Nguyễn Văn H5, sinh năm 1992, trú tại xóm N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội 05 gói kíp nổ và một lần mua của Vũ Đức T7 02kg thuốc nổ. Qua xác minh, H5, T7 và M1 không có mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được nội dung sự việc. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến H5, T7 và M1 để tiếp tục điều tra, xử lý sau. Ngày 21/6/2024, Cơ quan An ninh điều tra đã ra quyết định khởi tố bị cáo đối với H5 và một số bị cáo khác về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” trong một vụ án khác.

- G khai đã 03 lần mua thuốc nổ của Tuy; 03 lần mua đạn chì, kíp nổ của Đ1; bán cho Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1988, trú tại xã T, huyện S 01 lạng thuốc nổ; bán cho Ngọc Văn Đ2, sinh năm 1981, trú tại xã L, huyện S 05 lạng thuốc nổ; bán cho một người tên T8 và T9 ở xã D, huyện S mỗi người 03 lạng thuốc nổ. Tiến hành khám xét nơi ở của N2, Đ2 và L nhưng không thu giữ đồ vật gì; N2 và Đ2 không thừa nhận mua thuốc nổ của G; L không thừa nhận bán thuốc nổ và kíp nổ cho G. Cơ quan điều tra đã cho Đ2, N2 và L đối chất với G nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai nên không có căn cứ xử lý đối với Đ2, N2 và L. Tiến hành xác minh người tên T8 và T9 nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

- Tuy khai có nhờ H mua thuốc nổ, kíp nổ và đã bán cho G 02 lần, một lần 01kg và một lần 0,5kg thuốc nổ.

- Đ1 khai 03 lần bán kíp nổ cho G và 01 lần mua 01 lạng thuốc súng ở Chợ G, thành phố Hà Nội nhưng đã sử dụng hết.

Do không thu giữ được vật chứng nên không có căn cứ xác định H, G, Đ1 và T nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ.

Với nội dung tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P2 ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Khúc Trường Giang, Đặng Văn Đăng và Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”; Chu Văn V1 và Đỗ Quang H về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo xác nhận không oan, sai gì và xin hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, để có cơ hội chăm sóc gia đình.

Về phía đại diện Viện kiểm sát, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố đã luận tội đối với các bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 2 năm 6 tháng – 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, thời gian thử thách là 5 năm, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung từ 10- 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Khúc Trường G từ 2 năm- 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, thời gian thử thách từ 4 năm – 5 năm, giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H từ 2 năm- 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”, thời gian thử thách từ 4 năm – 5 năm, giao bị cáo cho UBND xã V, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung từ 10- 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ1 từ 1 năm 06 tháng- 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, thời gian thử thách từ 3 năm- 4 năm, giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn V1 từ 1 năm 06 tháng – 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”, thời gian thử thách từ 3 năm- 4 năm, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*** Về xử lý vật chứng, tài sản:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 BLTTHS, Điều 66 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ:

- Tịch thu và giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B** xử lý theo thẩm quyền đối với 965,5 gam thuốc phóng NC, 190 gam thuốc nổ đen và 285 hạt nổ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 1/2 giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu đen biển kiểm soát 98A-462.16, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên **Khúc Trường G**, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 98A-426.16, số tiền 8 triệu đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17 màu xanh, 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note 10, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10+.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 thùng xốp màu vàng, bên trong có: 2,23kg vỏ đạn, 01 cối xay tay, 01 búa đinh, 02 miếng gỗ, 01 bao tải, 01 sổ tay cũ, 12kg hạt chì, 01 ống kim loại hình trụ dài 12cm, đường kính chỗ to nhất 2,5 cm.

+ 01 thùng cát tông, bên trong có: 01 ống kim loại hình trụ, 01 thanh kim loại hình trụ, 60 vỏ kim loại màu vàng và 01 túi vải màu xanh.

+ 01 cân đồng hồ loại 30kg, có chữ “Biên Hòa”.

+ 01 hộp cát tông, bên trong có 03 vật hình vỏ đạn.

+ 01 hộp cát tông, bên trong có 02kg bi chì và 43 vỏ kíp nổ.

- Trả lại chi **Nguyễn Thị T3** 1/2 giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu đen biển kiểm soát 98A-462.16.

- Trả lại **V1** 6.037.000 đồng, trả lại **G** 1.370.000 đồng. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo **G**, **V1**, **Đ1** được miễn án phí HSST. Bị cáo **T**, **H** phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

*Bị cáo **Đỗ Quang H** và bị cáo **Nguyễn Văn T** nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì.

- **Người bào chữa cho bị cáo Khúc Trường G:** Bà **Giáp Thị H4** - Trợ giúp viên **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B** trình bày lời bào chữa:

Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo **G** hơi nghiêm khắc. Bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã khắc phục nộp lại số tiền thu lợi. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm s,v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù,

nhưng cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội tiếp tục công tác và chữa bệnh cho nhân dân vùng cao.

*Bị cáo nhất trí với bài bảo chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- **Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn V1:** Ông Hoàng Trọng N1 - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B trình bày lời bào chữa:

Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên đề nghị hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội của bị cáo. Viện kiểm sát truy tố bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng 500gam thuốc nổ là chưa phù hợp, bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng 200gam tương ứng với số tiền bị cáo nộp truy thu.

Bản thân bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

*Bị cáo nhất trí với bài bảo chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Đ1:** Ông Nguyễn Văn P - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B gửi bài bảo chữa trình bày:

Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên đề nghị hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo, vợ bị ung thư, bản thân bị cáo tuổi cao lại mắc bệnh tiểu đường phải điều trị thường xuyên. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

*Bị cáo nhất trí với bài bảo chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị T3 trình bày: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và không có quan điểm gì thêm.

* Trợ giúp viên Pháp lý giữ nguyên quan điểm của bản Luận cứ bảo chữa và không có ý kiến trình bày gì thêm.

* Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo T; G; H; Đ1; V1 đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã cơ bản thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về hành vi theo bản Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định vật chứng thu giữ, đã đủ căn cứ xác định:

Hồi 15 giờ 55 phút ngày 17/11/2023, tại đoạn đường Q thuộc Tổ dân phố số D, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, Công an huyện S phối hợp với Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh B bắt quả tang Khúc Trường G đang có hành vi bán trái phép 500 gam thuốc phóng NC (N4) cho Chu Văn V1, ngoài ra còn thu giữ của G 390 gam thuốc phóng G cất giấu để sử dụng và bán. G khai mua thuốc phóng của Nguyễn Văn T và Đặng Văn Đ1. Khám xét nơi ở của T, thu giữ 141,4 gam thuốc phóng và 298 hạt nổ, Tuy cất giấu để sử dụng và bán. Khám xét nơi ở của Đ1, thu giữ 200 gam thuốc nổ đen và 06 gam thuốc phóng, Đ1 cất giấu để sử dụng và bán. Nguyễn Văn T khai mua thuốc phóng và hạt nổ của Đỗ Quang H.

Tổng khối lượng vật liệu nổ Khúc Trường G phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ, mua bán là 890 gam thuốc phóng; Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ, mua bán là 941,4 gam thuốc phóng và 298 hạt nổ; Đỗ Quang H phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán là 941,4 gam thuốc phóng và 298 hạt nổ; Đặng Văn Đ1 phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ, mua bán là 200 gam thuốc nổ đen và 06 gam thuốc phóng; Chu Văn V1 phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán là 500 gam thuốc phóng.

Hành vi của bị cáo Khúc Trường G, Đặng Văn Đ1 và Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”; Hành vi của bị cáo Chu Văn V1 và Đỗ Quang H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 20/CT-VKS-P3 ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về vật liệu nổ, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn công cộng, là nguyên nhân gây ra các tai nạn, thiệt hại về người và tài sản. Bản thân các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận

thức được vật liệu nổ là do nhà nước độc quyền quản lý, song các bị cáo vẫn thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép, thể hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần xử lý các bị cáo bằng Pháp luật hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội: Bị cáo **G**, **T**, **Đ1** mua thuốc phóng mục đích để phục vụ nhu cầu cá nhân và bán kiếm lời. Bị cáo **H** do quen biết, nể nang nên đã mua thuốc phóng hộ bị cáo **T**. Bị cáo **V1** mua thuốc phóng mục đích để phục vụ nhu cầu cá nhân.

Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có 5 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết bàn bạc, mỗi bị cáo đều thực hiện hành vi độc lập. Do vậy, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình tương ứng với số lượng vật liệu nổ đã mua bán, tàng trữ. Bị cáo **T** thực hiện 2 hành vi mua bán và tàng trữ, khối lượng thuốc phóng lớn nhất nên phải chịu hình phạt cao hơn. Bị cáo **H** bán thuốc phóng và hạt nổ khối lượng lớn nhất nhưng chỉ thực hiện 1 hành vi mua bán; bị cáo **G** mua bán thuốc phóng khối lượng lớn thứ 2 nhưng thực hiện 2 hành vi mua bán và tàng trữ nên phải chịu hình phạt ngang với bị cáo **H**. Bị cáo **Đ1** và **Vũ tàng t** thuốc nổ số lượng ít nhất nên phải chịu hình phạt nhẹ hơn.

[3]. Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51; Bị cáo **G** có bố đẻ là ông **Khúc Trường S** được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Bản thân bị cáo được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh B** tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch covid 19, được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện T12** Giấy khen trong phong trào thi đua năm 2013, bản thân sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, do vậy cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo **H** có ông **N3** là **Phạm Bá L1** có công với cách mạng và được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, bản thân bị cáo được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện T12** Giấy khen và danh hiệu lao động tiên tiến vì đã có thành tích trong học tập và thi đua. Ngoài ra trong các năm 2014- 2015 và 2015 – 2016 được Phòng giáo dục **huyện S** công nhận là giáo viên dạy giỏi, bản thân sau khi phạm tội đã ra đầu thú, do vậy cần áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Đối với bị cáo **T** có bố đẻ là ông **Nguyễn Duy Đ** và mẹ đẻ là bà **Nguyễn Thị T1** được nhà nước tặng thưởng Kỷ niệm chương cừu chiến binh Việt Nam, Hội đồng bộ trưởng tặng

Bằng khen trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng tổ quốc, ngoài ra mẹ bị cáo còn được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú và nộp lại số tiền thu lời bất chính do vậy cần áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Đối với bị cáo **V1** có bố đẻ là ông **Chu Xuân K** được Hội đồng cố vấn chính phủ cách mạng Việt Nam tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhì, hạng ba và Huân chương kháng chiến hạng nhất, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Đối với bị cáo **Đ1** sau khi phạm tội đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

[4]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân các bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân các bị cáo có nơi cư trú ổn định, có nhân thân tốt, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, không cần thiết bắt các bị cáo chịu hình phạt tù, mà cho hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát thì các bị cáo cũng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra cũng thể hiện được chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo **G**, **V1**, **Đ1** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo. Bị cáo **H** và **T** có tài sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với 03 khẩu súng, 02 băng súng, 04 nòng súng và 30 viên đạn thu giữ của **G**; 01 khẩu súng và 71 gam thuốc pháo nổ thu giữ của Tuy; 01 khẩu súng và 09 viên đạn thu giữ của **Đ1**; 01 khẩu súng thu giữ của **V1**; **G**, **T**, **Đ1** và **V1** khai được người khác cho nhưng không nhớ là ai nên không có căn cứ để xác minh làm rõ. Ngày 17/5/2024, Cơ quan An ninh điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến **Công an huyện S** và **Công an huyện L** để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép các loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn” đối với **G**, **T**, **Đ1** và **V1** là đúng quy định của Pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự ;Điều 66 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng:

+ 01 thùng xốp màu vàng niêm phong có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Khúc Trường G** và **Giáp Thị Ngọc L2**, bên trong có: 1,6kg vỏ đạn bằng kim loại nhiều kích cỡ. 01 cối xay tay trên bằng kim loại, dưới thân bằng gỗ có chữ “Vanloi”. 01 búa đinh bằng kim loại, cán bằng gỗ. 01 miếng gỗ kích thước (21x19x6)cm. 01 thanh gỗ hình trụ dài 17cm, đường kính chỗ to nhất 02cm. 01 bao tải màu trắng đỏ, bên trong chứa 1,8kg hạt chì. 01 sổ tay cũ có 18 trang, kích thước 12x8cm, bên trong có ghi chữ và số. Gói hạt chì tổng trọng lượng 10,2kg. 01 ống kim loại hình trụ dài 12cm, đường kính chỗ to nhất 2,5 cm. 1,17kg vỏ đạn bằng kim loại màu vàng chưa qua sử dụng, nhiều kích cỡ.

+ 01 thùng các tông niêm phong có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Khúc Trường G** và **Giáp Thị Ngọc L2**, bên trong có: 01 ống hình trụ kim loại dài 13,5cm, 01 thanh kim loại hình trụ dài 10cm, 60 vỏ kim loại màu vàng hình trụ và 01 túi vải màu xanh.

+ 01 cân đồng hồ loại 30kg, có chữ “Biên Hòa” niêm phong trong túi bóng dán kín có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Khúc Trường G** và **Giáp Thị Ngọc L2**.

+ 01 hộp các tông dán kín có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Trần Anh T10**, bên trong có 03 vật hình vỏ đạn kèm theo các hạt màu đen.

+ 01 hộp các tông dán kín có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Đặng Văn Đ1**, **Nguyễn Văn P**, bên trong có 02kg bi chì và 43 vỏ kíp nổ đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo:

+ Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu đen, biển kiểm soát 98A-462.16, xe đã qua sử dụng, số khung RL4BT9F34F4016761, số máy 1NZZ326204, năm sản xuất 2015, thể tích làm việc của động cơ 1497cm³, số Seri DA-4075804. 01 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 98 018189 tên **Khúc Trường G** và 01 bản gốc giấy chứng nhận kiểm định số 4075804 xe ô tô biển số 98A-426.16. Xét đây là tài sản chung của **G** và vợ là chị **Nguyễn Thị T3**, khi thực hiện hành vi phạm tội, chị **T3** không biết **G** sử dụng để đi mua bán vật liệu nổ, do vậy cần tịch thu ½ giá trị của chiếc xe để sung ngân sách nhà nước và trả lại cho chị **T3** ½ giá trị chiếc xe.

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo của **V1**, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung của **G**, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo của **Đ1**, 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo của Tuy, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung của **H** đã sử dụng liên lạc khi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 6.937.000 đồng thu giữ của **V1**, trong đó có 900.000 đồng Vũ định sử dụng để mua thuốc nổ cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, còn lại 6.037.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo **V1** nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 1.370.000 đồng là của bị cáo **G** không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo **G** nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Đối với số vật liệu nổ hoàn lại sau giám định thuộc nhóm vật liệu nổ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, do đó cần tịch thu và giao cho Cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cụ thể: Số tiền 4.050.000 đồng thu của **K2**, 500.000 đồng thu của **Đặng Văn Đ1**, 2.550.000 đồng thu của **Nguyễn Văn T**. Cần truy thu để sung quỹ nhà nước. Xác nhận các bị cáo đã nộp xong số tiền thu lời bất chính.

- Trả lại cho chị **Nguyễn Thị T3** ½ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu đen, biển kiểm soát 98A-462.16, xe đã qua sử dụng.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **H**, **T** phải nộp 200.000 đồng án phí HSST. Miễn án phí cho bị cáo **G**; **Đ1**; **V1** theo quy định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**: 02 năm (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2024. Giao bị cáo cho **UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Quang H**: 02 (Hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2024. Giao bị cáo cho **UBND xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, Điều 305; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Khúc Trường G**: 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm,

tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2024. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1, Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Chu Văn V1**: 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tù, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2024. Giao bị cáo cho UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1, Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ1**: 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tù, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2024. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 66 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 thùng xốp màu vàng niêm phong có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Khúc Trường G** và **Giáp Thị Ngọc L2**, bên trong có: 1,6kg vỏ đạn bằng kim loại nhiều kích cỡ. 01 cối xay tay trên bằng kim loại, dưới thân bằng gỗ có chữ “Vanloi”. 01 búa đinh bằng kim loại, cán bằng gỗ. 01 miếng gỗ kích thước (21x19x6)cm. 01 thanh gỗ hình trụ dài 17cm, đường kính chỗ to nhất 02cm. 01 bao tải màu trắng đỏ, bên trong chứa 1,8kg hạt chì. 01 sổ tay cũ có 18 trang, kích thước 12x8cm, bên trong có ghi chữ và số. Gói hạt chì tổng trọng lượng 10,2kg. 01 ống kim loại hình trụ dài 12cm, đường kính chỗ to nhất 2,5 cm. 1,17kg vỏ đạn bằng kim loại màu vàng chưa qua sử dụng, nhiều kích cỡ.

+ 01 thùng các tông niêm phong có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Khúc Trường G** và **Giáp Thị Ngọc L2**, bên trong có: 01 ống hình trụ kim loại dài 13,5cm, 01 thanh kim loại hình trụ dài 10cm, 60 vỏ kim loại màu vàng hình trụ và 01 túi vải màu xanh.

+ 01 cân đồng hồ loại 30kg, có chữ “Biên Hòa” niêm phong trong túi bóng dán kín có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Khúc Trường G** và **Giáp Thị Ngọc L2**.

+ 01 hộp các tông dán kín có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Trần Anh T10**, bên trong có 03 vật hình vỏ đạn kèm theo các hạt màu đen.

+ 01 hộp các tông dán kín có chữ ký của **Trần Hà Đ3**, **Đặng Văn Đ1**, **Nguyễn Văn P**, bên trong có 02kg bì chì và 43 vỏ kíp nổ đã qua sử dụng.

-Tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ ½ chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu đen, biển kiểm soát 98A-462.16, xe đã qua sử dụng, số khung RL4BT9F34F4016761, số máy 1NZZ326204, năm sản xuất 2015, thể tích làm việc của động cơ 1497cm³, số Seri DA-4075804. 01 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 98 018189 tên **Khúc Trường G** và 01 bản gốc giấy chứng nhận kiểm định số 4075804 xe ô tô biển số 98A-426.16;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen đã qua sử dụng, tên thiết bị V2026Lg126, số IMEI 1 là 860671050091914, IMEI 2 là 860671050091906, bên trong lắp 01 sim **V3** có dãy số 8984048000042769427 của **Chu Văn V1**, được niêm phong trong một phong bì dán kín.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17 màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI 1 là 864867068140158, số IMEI 2 là 864867068140141, bên trong lắp 02 sim Vinaphone có dãy số 89840200011445530502 và 89840200011443980428 của **Đặng Văn Đ1**, được niêm phong trong một phong bì dán kín.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI 1 là 865732058365836, số IMEI 2 là 865732058365828, bên trong lắp 02 sim **V3** có dãy số 8984048008810111729 và 8984048000068037834 của **Nguyễn Văn T**, được niêm phong trong một phong bì dán kín.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 10, vỏ ngoài màu bạc, số IMEI là 358592106399490/01, bên trong lắp 01 sim **V3** có dãy số 8984048000042770287 của **Khúc Trường G**, được niêm phong trong một phong bì dán kín.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10+ đã qua sử dụng, số kiểu máy SM-N975F/DS, số Seri RF8M90JGPVW, số IMEI 1 là 358780108319067, số IMEI 2 là 358701108319065, bên trong lắp 02 sim có dãy số 8984048831006297026 và 89840200011186429567 của **Đỗ Quang H**, được niêm phong trong một phong bì dán kín.

- Trả lại cho bị cáo **Chu Văn V1** số tiền 6.037.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, theo biên lai thu tiền số 0000053 ngày 16/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

- Trả lại cho bị cáo **Khúc Trường G** 1.370.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, theo biên lai thu tiền số 0000053 ngày 16/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

- Trả lại cho chị **Nguyễn Thị T3** ½ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu đen, biển kiểm soát 98A-462.16, xe đã qua sử dụng, số khung RL4BT9F34F4016761, số máy 1NZZ326204, năm sản xuất 2015, thể tích làm việc của động cơ 1497cm³, số Seri DA-4075804.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cụ thể: Số tiền 4.050.000 đồng thu của **K2**, 500.000 đồng thu của **Đặng Văn Đ1**, 2.550.000 đồng thu của **Nguyễn Văn T**. Xác nhận các bị cáo đã nộp xong số tiền thu lợi bất chính. Theo biên lai thu tiền số 0000053 ngày 16/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

- Tịch thu và giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B** xử lý theo thẩm quyền đối với 965,5 gam thuốc phóng NC; 190 gam thuốc nổ đen và 285 hạt nổ.

(Tất cả vật chứng được bàn giao theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/7/2024 giữa Cơ quan an ninh điều tra **Công an tỉnh B** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang và Quyết định tiếp nhận vật chứng số: 53/QĐ-BCH ngày 06/5/2024 của **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B**)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Đỗ Quang H**, **Nguyễn Văn T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **G**; **Đ1** và **V1**.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan ANĐT- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người TGTT;
- Lưu HS, THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

